

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hùng.

2. Ông Võ Văn Thủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và hợp đồng đặt cọc*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS, ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Bé H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Phạm Văn T, như sau:

Vào ngày 11/4/2022, ông có cho bà Đoàn Thị Bé H vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 3%/tháng nhưng đến hạn trả, bà Bé H không thực hiện.

Ngày 25/4/2022, ông và bà H có làm giấy đặt cọc sang nhượng thửa đất số 123, tờ bản đồ số 20, loại đất ở tại nông thôn diện tích là 227,5m² với giá là 300.000.000đ cho ông. Ông đã đặt cọc cho bà Bé H số tiền 200.000.000đ, thời gian đặt cọc là 01 tháng, H bên sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhưng khi đến thời hạn ra công chứng thì bà Bé H cứ hẹn mà không thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Bé H trả cho ông số tiền vốn vay là 50.000.000đ và số tiền đặt cọc là 200.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu phạt cọc.

2. Bị đơn, bà Đoàn Thị Bé H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng bà Bé H vắng mặt không có lý do. Do bà Bé H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Bé H trả số tiền vốn vay và tiền đặt cọc. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự về vay tài sản và đặt cọc theo quy định tại Điều 463 và 328 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Bé H có địa chỉ tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, bà Đoàn Thị Bé H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung giấy nợ ghi ngày 11/4/2022 thể hiện: “Bà Đoàn Thị Bé H có vay của ông Phạm Văn T 50.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng” và nội dung giấy đặt cọc sang nhượng đất ngày 25/4/2022 thể hiện: “Bà Đoàn Thị Bé H có nhận

tiền đặt cọc của ông Phạm Văn T 200.000.000đ để chuyển nhượng thửa đất số 123, tờ bản đồ số 20, diện tích 227,5m², thời hạn làm thủ tục sang tên chậm nhất là 01 tháng". Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên hòa giải và quyết định xét xử vụ án. Trong các thông báo này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Bé H không có ý kiến phản đối gì. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Bé H có vay của ông T số tiền 50.000.000đ và nhận số tiền đặt cọc là 200.000.000đ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định buộc bà Bé H trả cho ông T số tiền vốn vay là 50.000.000đ và số tiền nhận cọc là 200.000.000đ. Ông Phạm Văn T không yêu cầu tính lãi cũng như yêu cầu phạt cọc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Bé H trả tiền cho ông T nên bà Bé H phải chịu án phí tính trên số tiền này. Ông T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 328, 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc" với bà Đoàn Thị Bé H.

Buộc bà Đoàn Thị Bé H trả cho ông Phạm Văn T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền vốn vay và 200.000.000đ (H trăm triệu đồng) tiền đặt cọc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Bé H phải chịu 12.500.000đ (Mười H triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (Sáu triệu H trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 1799, ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- THA DS Huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Dũng